

Số: 3942 /QĐ-UBND

Đồng Nai, ngày 06 tháng 10 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt danh sách và kinh phí hỗ trợ người lao động tạm hoãn thực hiện hợp đồng lao động, nghỉ việc không hưởng lương của Công ty cổ phần đồ gỗ Nghĩa Sơn, Công ty TNHH Dịch vụ bảo trì công nghiệp Đông Minh Khôi, Công ty TNHH Sản xuất và thương mại Viễn Khang, Công ty TNHH Sản xuất vật liệu và xây dựng Vĩnh Hải do ảnh hưởng của đại dịch COVID-19 theo Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg ngày 07 tháng 7 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ trên địa bàn huyện Vĩnh Cửu

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị quyết số 68/NQ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2021 của Chính phủ về một số chính sách hỗ trợ người lao động và người sử dụng lao động gặp khó khăn do đại dịch COVID-19;

Căn cứ Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg ngày 07 tháng 7 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ quy định về việc thực hiện một số chính sách hỗ trợ người lao động và người sử dụng lao động gặp khó khăn do đại dịch COVID-19;

Căn cứ Kế hoạch số 8015/KH-UBND ngày 13 tháng 7 năm 2021 của UBND tỉnh triển khai thực hiện Nghị quyết số 68/NQ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2021 của Chính phủ, Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg ngày 07 tháng 7 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ quy định về việc thực hiện một số chính sách hỗ trợ người lao động và người sử dụng lao động gặp khó khăn do đại dịch COVID-19 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;

Theo đề nghị của UBND huyện Vĩnh Cửu tại Tờ trình số 228/TTr-UBND ngày 29 tháng 9 năm 2021, Tờ trình số 229/TTr-UBND ngày 29 tháng 9 năm 2021, Tờ trình số 230/TTr-UBND ngày 29 tháng 9 năm 2021 và Tờ trình số 232/TTr-UBND ngày 29 tháng 9 năm 2021; ý kiến của Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tại Tờ trình số 830/TTr-LĐTBXH ngày 02 tháng 10 năm 2021.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt danh sách và kinh phí hỗ trợ người lao động tạm hoãn hợp đồng lao động, nghỉ việc không hưởng lương của Công ty cổ phần đồ gỗ Nghĩa Sơn, Công ty TNHH Dịch vụ bảo trì công nghiệp Đông Minh Khôi, Công ty TNHH Sản xuất và thương mại Viễn Khang, Công ty TNHH Sản xuất vật liệu và xây dựng Vĩnh Hải do ảnh hưởng của đại dịch COVID-19 theo Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg ngày 07 tháng 7 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ trên địa bàn huyện Vĩnh Cửu, như sau:



1. Công ty Cổ phần Đồ gỗ Nghĩa Sơn (địa chỉ: KCN Sông Mỹ, ấp Xoài, xã Tân An, huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai) gồm 153 người lao động tạm hoãn hợp đồng lao động từ 01 tháng (30 ngày) trở lên với kinh phí hỗ trợ là 567.630.000 đồng, trong đó có 21 người lao động đang nuôi con dưới 06 tuổi (24 trẻ em) với kinh phí hỗ trợ là 24.000.000 đồng. Tổng số kinh phí hỗ trợ là 591.630.000 đồng (năm trăm chín mươi một triệu, sáu trăm ba mươi ngàn đồng chẵn).

2. Công ty TNHH Dịch vụ bảo trì công nghiệp Đông Minh Khôi (địa chỉ: Tổ 11, ấp Bình Ý, xã Tân Bình, huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai) gồm 03 người lao động tạm hoãn hợp đồng lao động từ 01 tháng (30 ngày) trở lên với kinh phí hỗ trợ là 11.130.000 đồng. Tổng số kinh phí hỗ trợ là 11.130.000 đồng (mười một triệu, một trăm ba mươi ngàn đồng chẵn).

3. Công ty TNHH Sản xuất và thương mại Viễn Khang (địa chỉ: Ấp Bình Chánh, xã Tân An, huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai) gồm 15 người lao động tạm hoãn hợp đồng lao động từ 01 tháng (30 ngày) trở lên với kinh phí hỗ trợ là 55.650.000 đồng (năm mươi lăm triệu, sáu trăm năm mươi ngàn đồng chẵn).

4. Công ty TNHH Sản xuất vật liệu và xây dựng Vĩnh Hải (địa chỉ: Tỉnh lộ 768, tổ 1, ấp Ông Hoàng, huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai) gồm 01 người lao động tạm hoãn hợp đồng lao động từ 15 ngày liên tục trở lên đến dưới 01 tháng (30 ngày) với kinh phí hỗ trợ là 1.855.000 đồng và 183 người lao động tạm hoãn hợp đồng lao động từ 01 tháng (30 ngày) trở lên với kinh phí hỗ trợ là 678.930.000 đồng. Tổng số kinh phí hỗ trợ là 680.785.000 đồng (sáu trăm tám mươi triệu, bảy trăm tám mươi lăm ngàn đồng chẵn).

(Danh sách đính kèm theo Quyết định).

Nguồn kinh phí hỗ trợ người lao động được sử dụng từ nguồn ngân sách địa phương theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước, Nghị quyết số 68/NQ-CP và các nguồn huy động hợp pháp khác.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

Giao UBND huyện Vĩnh Cửu chỉ đạo các đơn vị liên quan khẩn trương chi trả kịp thời, đúng đối tượng; kiểm tra, rà soát đảm bảo việc chi trả đúng đối tượng, minh bạch, công khai, chống trùng.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội; Giám đốc Sở Tài chính; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh; Chủ tịch UBND huyện Vĩnh Cửu và các cá nhân tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT. UBND tỉnh;
- Chánh, các PCVP. UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KGVX, KTNS.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Sơn Hùng

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**DANH SÁCH HỖ TRỢ NGƯỜI LAO ĐỘNG TẠM HOÀN THỰC HIỆN HỢP ĐỒNG LAO ĐỘNG, NGHỈ VIỆC
KHÔNG HƯỞNG LƯƠNG DO ĐẠI DỊCH COVID-19 CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỒ GỖ NGHĨA SƠN**
(Đính kèm theo Quyết định số 3942 /QĐ-UBND ngày 06 tháng 10 năm 2021 của UBND tỉnh Đồng Nai)

TT	Họ và tên	Phòng, ban, phần việc	Loại hợp đồng lao động	Thời điểm bắt đầu thực hiện HĐLĐ	Số sổ bảo hiểm	Thời điểm bắt đầu tạm hoãn, nghỉ việc không hưởng lương (Ngày tháng năm)	Thời gian tạm hoãn HĐLĐ/ngỉ không lương		Số tiền hỗ trợ	Tài khoản của người lao động nhận hỗ trợ			Số CMND/ thẻ căn cước công dân
							Từ ngày tháng năm	Đến ngày tháng năm		Tên TK	Số TK	Ngân hàng	
I. Hỗ trợ người lao động tạm hoãn thực hiện hợp đồng lao động, nghỉ việc không hưởng lương													
1	Võ Văn Thuận	BP. Bảo Trì	Xác định thời hạn	25/06/2020	7512202225	01/09/2021	01/09/2021	09/10/2021	3.710.000				385643945
2	Trần Thúy My	BP. QC	Không xác định thời hạn	25/11/2013	7513167573	01/09/2021	01/09/2021	09/10/2021	3.710.000				381721976
3	Huỳnh Thị Thi	BP. QC	Không xác định thời hạn	01/08/2011	7511207312	01/09/2021	01/09/2021	09/10/2021	3.710.000				381026949
4	Nguyễn Thị Ghi	BP. QC	Không xác định thời hạn	01/10/2011	7512202176	01/09/2021	01/09/2021	09/10/2021	3.710.000				381993860
5	Lê Thị Thảo Ly	BP. QC	Không xác định thời hạn	01/04/2013	7510082933	01/09/2021	01/09/2021	09/10/2021	3.710.000				381459428
6	Trịnh Hoài Hôn	BP. QC	Xác định thời hạn	26/06/2020	9622978272	01/09/2021	01/09/2021	09/10/2021	3.710.000				381614089
7	Nguyễn Văn Khởi	BP. QC	Xác định thời hạn	26/06/2020	7509010900	01/09/2021	01/09/2021	09/10/2021	3.710.000				381113735
8	Hồ Trọng Hiếu	BP. QC	Xác định thời hạn	26/06/2020	7515151553	01/09/2021	01/09/2021	09/10/2021	3.710.000				381726534

9	Nguyễn Thị Phới	BP. QC	Xác định thời hạn	26/06/2020	7516021168	01/09/2021	01/09/2021	09/10/2021	3.710.000					381635374
10	Nguyễn Hoàng Hào	BP. QC	Xác định thời hạn	26/06/2020	7516027199	01/09/2021	01/09/2021	09/10/2021	3.710.000					381677685
11	Phạm Ngọc Ngân	BP. QC	Xác định thời hạn	21/05/2020	9123037752	01/09/2021	01/09/2021	09/10/2021	3.710.000					371979681
12	Nguyễn Thị Ngọc Thuận	BP. QC	Không xác định thời hạn	26/11/2012	7509001337	01/09/2021	01/09/2021	09/10/2021	3.710.000					382050866
13	Nguyễn Thị Duyên	BP. QC	Xác định thời hạn	29/06/2020	7512202230	01/09/2021	01/09/2021	09/10/2021	3.710.000					381806716
14	Nguyễn Văn Minh	Tổ Đóng Gói	Xác định thời hạn	25/07/2020	7515151935	01/09/2021	01/09/2021	09/10/2021	3.710.000					381889153
15	Nguyễn Văn Vĩnh	Tổ Đóng Gói	Xác định thời hạn	25/06/2020	7509091758	01/09/2021	01/09/2021	09/10/2021	3.710.000					381800210
16	Đinh Văn Tiến	Tổ Đóng Gói	Xác định thời hạn	03/09/2020	7515151934	01/09/2021	01/09/2021	09/10/2021	3.710.000					194159858
17	Trần Thị Xuyên	Tổ Đóng Gói	Xác định thời hạn	03/09/2020	7510017725	01/09/2021	01/09/2021	09/10/2021	3.710.000					272175448
18	Nguyễn Văn Nam	Tổ Đóng Gói	Xác định thời hạn	09/11/2020	9622641311	01/09/2021	01/09/2021	09/10/2021	3.710.000					381133491
19	Trần Văn Hồng	Tổ Đóng Gói	Xác định thời hạn	09/11/2020	9123232312	01/09/2021	01/09/2021	09/10/2021	3.710.000					370562760
20	Lê Thị Nhi	Tổ Đóng Gói	Xác định thời hạn	11/11/2020	7511098405	01/09/2021	01/09/2021	09/10/2021	3.710.000					272175445
21	Nguyễn Thị Ba	Tổ Đóng Gói	Xác định thời hạn	11/11/2020	7515002558	01/09/2021	01/09/2021	09/10/2021	3.710.000					370556914
22	Tô Thị Tuyền	Tổ Đóng Gói	Xác định thời hạn	25/07/2020	7515151932	01/09/2021	01/09/2021	09/10/2021	3.710.000					381694824
23	Nguyễn Văn Lợi	Tổ Đóng Gói	Xác định thời hạn	25/07/2020	7513167588	01/09/2021	01/09/2021	09/10/2021	3.710.000					381240937
24	Phạm Minh Hùng	Tổ Đóng Gói	Xác định thời hạn	25/07/2020	7509082163	01/09/2021	01/09/2021	09/10/2021	3.710.000					381286439
25	Huỳnh Thị Phương Chi	Tổ Đóng Gói	Xác định thời hạn	14/12/2020	8721851719	01/09/2021	01/09/2021	09/10/2021	3.710.000					340810389



26	Lê Ngọc Vân	Tổ Đông Gỏi	Xác định thời hạn	11/11/2020	8925220164	01/09/2021	01/09/2021	09/10/2021	3.710.000					352648270
27	Lê Văn Điều	Tổ tình chế	Không xác định thời hạn	01/10/2011	7510155687	01/09/2021	01/09/2021	09/10/2021	3.710.000					381468566
28	Trần Hoàng Cương	Tổ tình chế	Không xác định thời hạn	19/09/2015	7512202919	01/09/2021	01/09/2021	09/10/2021	3.710.000					381682245
29	Nguyễn Chí Nhưưng	Tổ tình chế	Không xác định thời hạn	01/10/2011	7510082946	01/09/2021	01/09/2021	09/10/2021	3.710.000					381578197
30	Đỗ Ích Mạnh	Tổ tình chế	Xác định thời hạn	19/08/2020	7526926467	01/09/2021	01/09/2021	09/10/2021	3.710.000					173608396
31	Lê Tuấn Kiệt	Tổ tình chế	Xác định thời hạn	21/05/2020	9621339659	01/09/2021	01/09/2021	09/10/2021	3.710.000					382025814
32	Phan Thị Hân	Tổ tình chế	Xác định thời hạn	25/05/2020	9522162502	01/09/2021	01/09/2021	09/10/2021	3.710.000					385881631
33	Lê Thị Kiều	Tổ tình chế	Không xác định thời hạn	01/10/2011	7512202190	01/09/2021	01/09/2021	09/10/2021	3.710.000					381289459
34	Vô Văn Kiên	Tổ tình chế	Xác định thời hạn	01/11/2019	7516108051	01/09/2021	01/09/2021	09/10/2021	3.710.000					381772798
35	Tô Cẩm Bước	Tổ tình chế	Xác định thời hạn	10/11/2019	7526723208	01/09/2021	01/09/2021	09/10/2021	3.710.000					381778761
36	Tô Cẩm Nhó	Tổ tình chế	Xác định thời hạn	10/11/2019	7526498644	01/09/2021	01/09/2021	09/10/2021	3.710.000					381895237
37	Vô Hoàng Sang	Tổ tình chế	Xác định thời hạn	25/02/2020	9621710294	01/09/2021	01/09/2021	09/10/2021	3.710.000					381952258
38	Diệp Thị Út	Tổ tình chế	Xác định thời hạn	10/08/2020	7524907951	01/09/2021	01/09/2021	09/10/2021	3.710.000					381113673
39	Huỳnh Thị Ngân	Tổ tình chế	Xác định thời hạn	17/08/2020	9622408387	01/09/2021	01/09/2021	09/10/2021	3.710.000					382044725
40	Vô Mỹ Linh	Tổ tình chế	Xác định thời hạn	19/08/2020	9622929919	01/09/2021	01/09/2021	09/10/2021	3.710.000					381952257
41	Hồ Mỹ Ngọc	Tổ tình chế	Xác định thời hạn	19/08/2020	9622448069	01/09/2021	01/09/2021	09/10/2021	3.710.000					381963877
42	Lưu Bích Phượng	Tổ tình chế	Không xác định thời hạn	11/03/2012	7512202916	01/09/2021	01/09/2021	09/10/2021	3.710.000					381498210

43	Phan Bích Liễu	Tổ tình chế	Không xác định thời hạn	19/09/2015	7512202920	01/09/2021	01/09/2021	09/10/2021	3.710.000				381208061
44	Trương Văn Hải	Tổ tình chế	Không xác định thời hạn	06/08/2018	9622401154	01/09/2021	01/09/2021	09/10/2021	3.710.000				381526514
45	Trần Thị Ngọc Tuyền	Tổ tình chế	Không xác định thời hạn	21/09/2015	7515151549	01/09/2021	01/09/2021	09/10/2021	3.710.000				371160612
46	Đào Kim Yến	Tổ tình chế	Xác định thời hạn	27/06/2020	9623080389	01/09/2021	01/09/2021	09/10/2021	3.710.000				381916585
47	Nguyễn Thị Phăng	Tổ tình chế	Xác định thời hạn	27/06/2020	9623080395	01/09/2021	01/09/2021	09/10/2021	3.710.000				381208062
48	Mai Thị Phương	Tổ tình chế	Xác định thời hạn	27/06/2020	7513167771	01/09/2021	01/09/2021	09/10/2021	3.710.000				350733143
49	Trần Bao Trần	Tổ tình chế	Xác định thời hạn	03/09/2020	7515151548	01/09/2021	01/09/2021	09/10/2021	3.710.000				381878839
50	Nguyễn Quốc Hội	Tổ tình chế	Xác định thời hạn	21/09/2020	9622941429	01/09/2021	01/09/2021	09/10/2021	3.710.000				381399254
51	Nguyễn Thị Thu	Tổ tình chế	Xác định thời hạn	21/10/2020	8414006346	01/09/2021	01/09/2021	09/10/2021	3.710.000				334809922
52	Nguyễn Văn Tiến	Tổ tình chế	Xác định thời hạn	22/10/2020	9621522646	01/09/2021	01/09/2021	09/10/2021	3.710.000				381627513
53	Trần Văn Dón	Tổ tình chế	Xác định thời hạn	25/10/2020	7512202247	01/09/2021	01/09/2021	09/10/2021	3.710.000				380864858
54	Nguyễn Thị Thúy An	Tổ tình chế	Xác định thời hạn	23/10/2020	8023075484	01/09/2021	01/09/2021	09/10/2021	3.710.000				301487755
55	Nguyễn Thị Thám	Tổ tình chế	Xác định thời hạn	10/08/2020	7416135381	01/09/2021	01/09/2021	09/10/2021	3.710.000				385570034
56	Huỳnh Thị Phương	Tổ tình chế	Xác định thời hạn	19/08/2020	9521352565	01/09/2021	01/09/2021	09/10/2021	3.710.000				385725307
57	Nguyễn Chí Đăng	Tổ tình chế	Không xác định thời hạn	01/10/2011	7512202246	01/09/2021	01/09/2021	09/10/2021	3.710.000				381043222
58	Nguyễn Văn Sơn	Tổ tình chế	Không xác định thời hạn	06/10/2015	7513167748	01/09/2021	01/09/2021	09/10/2021	3.710.000				272175415
59	Phan Thị Mỹ Thanh	Tổ tình chế	Xác định thời hạn	29/06/2020	9622383086	01/09/2021	01/09/2021	09/10/2021	3.710.000				381552474



60	Nguyễn Minh Diễm	Tổ tình chế	Xác định thời hạn	03/09/2020	7513004063	01/09/2021	01/09/2021	09/10/2021	3.710.000					381762779
61	Nguyễn Trần Thanh	Tổ tình chế	Xác định thời hạn	17/09/2020	9622385234	01/09/2021	01/09/2021	09/10/2021	3.710.000					381424904
62	Nguyễn Kim Nha	Tổ tình chế	Xác định thời hạn	17/09/2020	9622285337	01/09/2021	01/09/2021	09/10/2021	3.710.000					382008451
63	Nguyễn Thị Oanh	Tổ tình chế	Xác định thời hạn	21/09/2020	9623036381	01/09/2021	01/09/2021	09/10/2021	3.710.000					382063672
64	Huỳnh Minh Nhật	Tổ tình chế	Xác định thời hạn	21/10/2020	9422956764	01/09/2021	01/09/2021	09/10/2021	3.710.000					366433033
65	Nguyễn Văn Phong	Tổ tình chế	Xác định thời hạn	21/10/2020	8415008512	01/09/2021	01/09/2021	09/10/2021	3.710.000					334813439
66	Đặng Văn Ước	Tổ tình chế	Xác định thời hạn	21/10/2020	2521345709	01/09/2021	01/09/2021	09/10/2021	3.710.000					132148980
67	Là Văn Chơn	Tổ tình chế	Xác định thời hạn	02/12/2020	9320904958	01/09/2021	01/09/2021	09/10/2021	3.710.000					364007105
68	Phan Thanh Hà	Tổ tình chế	Xác định thời hạn	01/11/2019	9622376633	01/09/2021	01/09/2021	09/10/2021	3.710.000					381698553
69	Hồ Cẩm Tú	Tổ tình chế	Xác định thời hạn	27/06/2020	9621731020	01/09/2021	01/09/2021	09/10/2021	3.710.000					381046862
70	Lê Văn Mận	Tổ tình chế	Không xác định thời hạn	01/08/2011	7511207313	01/09/2021	01/09/2021	09/10/2021	3.710.000					381026954
71	Nguyễn Văn Cao	Tổ tình chế	Không xác định thời hạn	01/01/2009	7509089698	01/09/2021	01/09/2021	09/10/2021	3.710.000					310629582
72	Nguyễn Quang Sang	Tổ tình chế	Không xác định thời hạn	01/12/2014	7514202986	01/09/2021	01/09/2021	09/10/2021	3.710.000					312368799
73	Mã Văn Hồ	Tổ tình chế	Xác định thời hạn	10/11/2019	7513020864	01/09/2021	01/09/2021	09/10/2021	3.710.000					366083287
74	Phạm Hồng Cung	Tổ tình chế	Không xác định thời hạn	25/08/2012	7512203288	01/09/2021	01/09/2021	09/10/2021	3.710.000					381277215
75	Trương Hải Đăng	Tổ tình chế	Xác định thời hạn	27/06/2020	9622416351	01/09/2021	01/09/2021	09/10/2021	3.710.000					381832896
76	Phạm Thị Nguyệt	Tổ tình chế	Xác định thời hạn	29/06/2020	7510070532	01/09/2021	01/09/2021	09/10/2021	3.710.000					381804240

77	Trần Thị Bạch Tuyết	Tổ tình chế	Xác định thời hạn	27/06/2020	7514202989	01/09/2021	01/09/2021	09/10/2021	3.710.000				331181300
78	Hồ Bé Thảo	Tổ tình chế	Không xác định thời hạn	19/09/2015	7515151554	01/09/2021	01/09/2021	09/10/2021	3.710.000				381726535
79	Tô Thị Lân	Tổ tình chế	Không xác định thời hạn	02/05/2012	7513167597	01/09/2021	01/09/2021	09/10/2021	3.710.000				381761957
80	Mai Thị Diệu	Tổ tình chế	Không xác định thời hạn	23/07/2019	9622958277	01/09/2021	01/09/2021	09/10/2021	3.710.000				381586942
81	Lê Hoàng Căn	Tổ tình chế	Xác định thời hạn	29/03/2021	9124123798	01/09/2021	01/09/2021	09/10/2021	3.710.000				371504287
82	Nguyễn Quốc Đông	Tổ tình chế	Xác định thời hạn	29/03/2021	9622526349	01/09/2021	01/09/2021	09/10/2021	3.710.000				381342046
83	Nguyễn Văn Kiên	Tổ tình chế	Xác định thời hạn	06/04/2021	9122720925	01/09/2021	01/09/2021	09/10/2021	3.710.000				371477049
84	Nguyễn Văn Linh	Tổ tình chế	Xác định thời hạn	06/04/2021	9622965271	01/09/2021	01/09/2021	09/10/2021	3.710.000				381563629
85	Trần Thanh Bình	Tổ tình chế	Xác định thời hạn	06/04/2021	8925758304	01/09/2021	01/09/2021	09/10/2021	3.710.000				351413218
86	Trần Thị Đào	Tổ tình chế	Xác định thời hạn	01/06/2021	7514021029	01/09/2021	01/09/2021	09/10/2021	3.710.000				371706453
87	Nguyễn Thị Xuyên	Tổ tình chế	Xác định thời hạn	01/06/2021	0124017101	01/09/2021	01/09/2021	09/10/2021	3.710.000				001188019799
88	Phan Thùy Diệu	Tổ tình chế	Xác định thời hạn	01/06/2021	9622418003	01/09/2021	01/09/2021	09/10/2021	3.710.000				382028503
89	Nguyễn Kim Phụng	Tổ tình chế	Xác định thời hạn	01/06/2021	9123253308	01/09/2021	01/09/2021	09/10/2021	3.710.000				372021291
90	Lê Hoàng Khang	Tổ tình chế	Xác định thời hạn	03/06/2021	9422709196	01/09/2021	01/09/2021	09/10/2021	3.710.000				366264103
91	Trương Cẩm Đặng	Tổ tình chế	Xác định thời hạn	03/06/2021	9622416352	01/09/2021	01/09/2021	09/10/2021	3.710.000				381963203
92	Thái Văn Chương	Tổ tình chế	Xác định thời hạn	03/06/2021	4420122755	01/09/2021	01/09/2021	09/10/2021	3.710.000				044084003979
93	Trần Thị Hương	Tổ tình chế	Xác định thời hạn	14/06/2021	9622076213	01/09/2021	01/09/2021	09/10/2021	3.710.000				381530291

94	Nguyễn Thị Bảy	Tổ tình chế	Xác định thời hạn	08/06/2021	9123262287	01/09/2021	01/09/2021	09/10/2021	3.710.000					371887869
95	Nguyễn Kiều Diễm	Tổ tình chế	Xác định thời hạn	08/06/2021	9621995397	01/09/2021	01/09/2021	09/10/2021	3.710.000					381921579
96	Tô Văn Tiền	Tổ tình chế	Xác định thời hạn	08/06/2021	9621799776	01/09/2021	01/09/2021	09/10/2021	3.710.000					380960515
97	Dương Bé Chính	Tổ tình chế	Xác định thời hạn	08/06/2021	9621718753	01/09/2021	01/09/2021	09/10/2021	3.710.000					381669726
98	Tô Thúy Huỳnh	Tổ tình chế	Xác định thời hạn	08/06/2021	9621718755	01/09/2021	01/09/2021	09/10/2021	3.710.000					381949444
99	Lâm Hồng Lâm	Tổ tình chế	Xác định thời hạn	08/06/2021	9622340273	01/09/2021	01/09/2021	09/10/2021	3.710.000					381113877
100	Nguyễn Châu Chí	Tổ tình chế	Xác định thời hạn	11/06/2021	9622370457	01/09/2021	01/09/2021	09/10/2021	3.710.000					381762788
101	Trần Thị Hồng	Tổ tình chế	Xác định thời hạn	11/06/2021	9121675990	01/09/2021	01/09/2021	09/10/2021	3.710.000					371872199
102	Trần Thị Hồng	Tổ tình chế	Xác định thời hạn	11/06/2021	9123024919	01/09/2021	01/09/2021	09/10/2021	3.710.000					371434254
103	Trần Thị Thanh Thảo	Tổ tình chế	Xác định thời hạn	11/06/2021	7512031491	01/09/2021	01/09/2021	09/10/2021	3.710.000					381222598
104	Trần Tuấn Kiệt	Tổ tình chế	Xác định thời hạn	14/06/2021	9622367921	01/09/2021	01/09/2021	09/10/2021	3.710.000					382008995
105	Trần Chi Nhân	Tổ tình chế	Xác định thời hạn	14/06/2021	9622299796	01/09/2021	01/09/2021	09/10/2021	3.710.000					381995024
106	Mã Thị Ly	Tổ tình chế	Xác định thời hạn	14/06/2021	7511133417	01/09/2021	01/09/2021	09/10/2021	3.710.000					366089655
107	Lê Văn Phẩm	Tổ tình chế	Xác định thời hạn	14/06/2021	7513020851	01/09/2021	01/09/2021	09/10/2021	3.710.000					366150388
108	Lê Thị Út	Tổ tình chế	Xác định thời hạn	01/07/2021	7513167585	01/09/2021	01/09/2021	09/10/2021	3.710.000					381153254
109	Huỳnh Thị Diễm Hương	Tổ tình chế	Xác định thời hạn	11/06/2020	9223086035	01/09/2021	01/09/2021	09/10/2021	3.710.000					092195000390
110	Tô Văn Cường	Tổ Động Goi	Xác định thời hạn	17/08/2020	9621881054	01/09/2021	01/09/2021	09/10/2021	3.710.000					381824968

111	Tô Hồng Nhi	Tổ Đóng Gói	Xác định thời hạn	25/06/2021	7513167592	01/09/2021	01/09/2021	09/10/2021	3.710.000				381523038
112	Tô Văn Bường	Tổ Đóng Gói	Xác định thời hạn	25/07/2020	7512202167	01/09/2021	01/09/2021	09/10/2021	3.710.000				381561842
113	Nguyễn Kim Thư	Tổ tinh chế	Xác định thời hạn	25/05/2021	9622641308	01/09/2021	01/09/2021	09/10/2021	3.710.000				382019453
114	Nguyễn Thị Bé	Tổ tinh chế	Không xác định thời hạn	30/11/2016	7513167562	01/09/2021	01/09/2021	09/10/2021	3.710.000				381817260
115	Tô Cẩm Bót	Tổ tinh chế	Xác định thời hạn	01/06/2021	7516142570	01/09/2021	01/09/2021	09/10/2021	3.710.000				381911611
116	Tô Thị Thường	Tổ lau dầu	Xác định thời hạn	01/10/2012	7512202227	01/09/2021	01/09/2021	09/10/2021	3.710.000				381523439
117	Nguyễn Thị Phương	Tổ lau dầu	Xác định thời hạn	16/09/2020	7514063955	01/09/2021	01/09/2021	09/10/2021	3.710.000				272353019
118	Phan Hồng Nhi	Tổ lau dầu	Không xác định thời hạn	06/10/2015	7912060127	01/09/2021	01/09/2021	09/10/2021	3.710.000				381311593
119	Đinh Văn Cam	Tổ lau dầu	Không xác định thời hạn	27/10/2016	7516142571	01/09/2021	01/09/2021	09/10/2021	3.710.000				381112319
120	Nguyễn Thanh Quỳnh	Tổ lau dầu	Không xác định thời hạn	03/10/2016	7509011121	01/09/2021	01/09/2021	09/10/2021	3.710.000				365797425
121	Lâm Thị Hồng	Tổ lau dầu	Xác định thời hạn	26/06/2020	7511207315	01/09/2021	01/09/2021	09/10/2021	3.710.000				381408271
122	Phạm Tuyết Thiều	Tổ lau dầu	Xác định thời hạn	26/06/2020	7513167577	01/09/2021	01/09/2021	09/10/2021	3.710.000				381286573
123	Phan Mỹ Em	Tổ lau dầu	Xác định thời hạn	26/06/2020	9622958274	01/09/2021	01/09/2021	09/10/2021	3.710.000				381825981
124	Mai Thị Xa	Tổ lau dầu	Xác định thời hạn	26/06/2020	7515151555	01/09/2021	01/09/2021	09/10/2021	3.710.000				366222981
125	Trần Bích Thủy	Tổ lau dầu	Xác định thời hạn	17/08/2020	9622270604	01/09/2021	01/09/2021	09/10/2021	3.710.000				381549935
126	Huỳnh Hồng Mơ	Tổ lau dầu	Xác định thời hạn	21/09/2020	7412100298	01/09/2021	01/09/2021	09/10/2021	3.710.000				366372598
127	Nguyễn Thị Thủy Trinh	Tổ lau dầu	Xác định thời hạn	21/09/2020	8413002233	01/09/2021	01/09/2021	09/10/2021	3.710.000				334527701



128	Nguyễn Thị Yến	Tổ lau dầu	Xác định thời hạn	21/09/2020	7516007037	01/09/2021	01/09/2021	09/10/2021	3.710.000					381855573
129	Trần Việt Khải	Tổ lau dầu	Xác định thời hạn	21/10/2020	9622358641	01/09/2021	01/09/2021	09/10/2021	3.710.000					382063140
130	Trần Vũ Trường	Tổ lau dầu	Xác định thời hạn	14/12/2020	9622137107	01/09/2021	01/09/2021	09/10/2021	3.710.000					381596943
131	Nguyễn Trọng Tứ	Tổ lau dầu	Xác định thời hạn	10/08/2020	9622007739	01/09/2021	01/09/2021	09/10/2021	3.710.000					381923561
132	Nguyễn Thị Trinh	Tổ lau dầu	Xác định thời hạn	21/09/2020	9622314024	01/09/2021	01/09/2021	09/10/2021	3.710.000					381500270
133	Lương Thị Phương	Tổ lau dầu	Xác định thời hạn	25/07/2020	7509010901	01/09/2021	01/09/2021	09/10/2021	3.710.000					381399067
134	Trần Hoàng Phương	Tổ lau dầu	Xác định thời hạn	03/09/2020	7513167762	01/09/2021	01/09/2021	09/10/2021	3.710.000					270988775
135	Trần Thị Thủy	Tổ lau dầu	Xác định thời hạn	26/06/2020	7512202228	01/09/2021	01/09/2021	09/10/2021	3.710.000					381545243
136	Huỳnh Thị Đẹp	Tổ sơ chế	Xác định thời hạn	29/06/2020	7512203295	01/09/2021	01/09/2021	09/10/2021	3.710.000					381633577
137	Nguyễn Thị Thuồng	Tổ sơ chế	Không xác định thời hạn	26/10/2015	7515151916	01/09/2021	01/09/2021	09/10/2021	3.710.000					381518339
138	Nguyễn Văn Mặc	Tổ sơ chế	Không xác định thời hạn	01/12/2014	7513167571	01/09/2021	01/09/2021	09/10/2021	3.710.000					381571463
139	Bùi Thị Hiền	Tổ sơ chế	Không xác định thời hạn	01/12/2014	7513167721	01/09/2021	01/09/2021	09/10/2021	3.710.000					270716960
140	Nguyễn Văn Danh	Tổ sơ chế	Xác định thời hạn	29/06/2020	7516111995	01/09/2021	01/09/2021	09/10/2021	3.710.000					341299421
141	Trương Văn Thiện	Tổ sơ chế	Xác định thời hạn	29/06/2020	7510042152	01/09/2021	01/09/2021	09/10/2021	3.710.000					271907393
142	Huỳnh Văn Tá	Tổ sơ chế	Xác định thời hạn	17/09/2020	7415122586	01/09/2021	01/09/2021	09/10/2021	3.710.000					381552888
143	Trần Bích Tuyền	Tổ sơ chế	Xác định thời hạn	17/09/2020	9622935269	01/09/2021	01/09/2021	09/10/2021	3.710.000					381582039
144	Nguyễn Ngọc Tài	Tổ sơ chế	Xác định thời hạn	29/03/2021	9121694842	01/09/2021	01/09/2021	09/10/2021	3.710.000					371596178

145	Thạch Lực	Tổ sơ chế	Xác định thời hạn	29/03/2021	8421763459	01/09/2021	01/09/2021	09/10/2021	3.710.000				334901720
146	Nguyễn Thị Dương	Tổ sơ chế	Xác định thời hạn	03/06/2021	9422359822	01/09/2021	01/09/2021	09/10/2021	3.710.000				366428432
147	Nguyễn Thanh Tuấn	Tổ lò sấy	Không xác định thời hạn	01/12/2014	7513167714	01/09/2021	01/09/2021	09/10/2021	3.710.000				331553336
148	Nguyễn Văn Tuấn	Tổ lò sấy	Xác định thời hạn	25/05/2020	7515151560	01/09/2021	01/09/2021	09/10/2021	3.710.000				381268939
149	Trần Văn Gó	Tổ lò sấy	Xác định thời hạn	26/06/2020	7510070319	01/09/2021	01/09/2021	09/10/2021	3.710.000				381133332
150	Trần Thanh Nhân	Tổ lò sấy	Xác định thời hạn	14/12/2020	9622336835	01/09/2021	01/09/2021	09/10/2021	3.710.000				381222595
151	Thạch Thương	Tổ lò sấy	Xác định thời hạn	03/09/2020	7513167780	01/09/2021	01/09/2021	09/10/2021	3.710.000				334551077
152	Nguyễn Văn Lớn	BP. Kho	Xác định thời hạn	25/06/2020	7512202200	01/09/2021	01/09/2021	09/10/2021	3.710.000				381549848
153	Nguyễn Đồng Thương	BP. Kho	Xác định thời hạn	26/06/2020	7416139413	01/09/2021	01/09/2021	09/10/2021	3.710.000				385424253
Cộng: 153 người lao động									567.630.000				

II. Hỗ trợ người lao động đang nuôi con đẻ hoặc con nuôi hoặc chăm sóc thay thế trẻ em dưới 06 tuổi

TT	Họ và tên	Số TT tại mục I	Họ và tên trẻ em chưa đủ 6 tuổi	Ngày tháng năm sinh của trẻ em	Họ và tên vợ hoặc chồng ở cột 2	Số CMT/thẻ căn cước công dân của vợ hoặc chồng	Số tiền hỗ trợ	Tên tài khoản của người lao động nhận hỗ trợ	Số tài khoản	Ngân hàng	Số CMND/ thẻ căn cước công dân
1	Tô Thị Lân	79	Nguyễn Huỳnh Gia Hạo	24/02/2020	Nguyễn Văn Lớn	381549848	1.000.000				381761957
2	Nguyễn Thị Ngọc Thuận	12	Phạm Thị Nha Yến Phạm Hoàng Gia Huy	14/07/2020 12/06/2016	Phạm Hoàng Dư	381457161	1.000.000 1.000.000				382050866
3	Lê Thị Thảo Ly	5	Lê Gia Hưng	03/02/2017	Lê Văn Điều	381468566	1.000.000				381459428



4	Trần Thúy My	2	Lê Bảo Anh	17/06/2017	Lê Văn Đăng	381677681	1.000.000					381721976
5	Nguyễn Thị Duyên	13	Phan Nguyễn Nhật Khang	05/10/2015	Phan Thị Sỹ	215174185	1.000.000					381806716
			Phan Nguyễn Phương Linh	06/06/2018			1.000.000					
6	Hồ Bé Thảo	78	Đỗ Cẩm Tiên	02/09/2020	Đỗ Hoàng Si	381889278	1.000.000					381726535
7	Mai Thị Xa	124	Nguyễn Thanh Được	27/06/2019	Nguyễn Thanh Dệ	365714208	1.000.000					366222981
8	Trần Bảo Trân	49	Nguyễn Thiên Kim	11/08/2017	Nguyễn Minh Diễm	381762779	1.000.000					381878839
9	Phạm Minh Hùng	24	Phạm Như Ngọc	20/10/2019	Nguyễn Thị Tuyền	381853793	1.000.000					381286439
10	Nguyễn Hoàng Hào	10	Nguyễn Đăng Khôi	03/06/2018	Lê Thị Xuyến	381762660	1.000.000					381677685
11	Tô Cẩm Bước	35	Phan Ngọc Trân	10/11/2015	Phan Văn Thuần	385665855	1.000.000					381778761
12	Tô Cẩm Nhó	36	Mã Hào Thiên	11/04/2018	Mã Văn Hồ	366083287	1.000.000					381895237
13	Đỗ Ích Mạnh	30	Đỗ Ngọc Khánh Huyền	22/11/2017	Đăng Thị Minh Trang	272276832	1.000.000					173608396
14	Nguyễn Thị Phương	117	Là Nguyễn Nhật Vy	30/09/2017	Là Văn Dưa	363731346	1.000.000					272353019
			Là Nguyễn Nhật Trường	21/11/2015			1.000.000					
15	Trần Bích Tuyền	143	Huỳnh Gia Thịnh	12/07/2016	Huỳnh Văn Tả	381552888	1.000.000					381582039
16	Nguyễn Thị Trinh	132	Nguyễn Trọng Nguyễn	07/03/2016	Nguyễn Văn Thân	381399487	1.000.000					381500270
17	Nguyễn Thị Yến	128	Nguyễn Thị Yến Nhi	22/05/2017	(Mẹ đơn thân)		1.000.000					381855573
18	Đặng Văn Ước	66	Đặng Văn Nam	28/01/2017	Vũ Thị Thương	163119325	1.000.000					132148980

19	Trần Thị Đào	86	Trần Chí Toàn	21/10/2015	(Mẹ đơn thân)		1.000.000				371706453
20	Nguyễn Thị Bảy	94	Nguyễn Văn Danh	09/04/2019	(Mẹ đơn thân)		1.000.000				371887869
21	Nguyễn Kiều Diễm	95	Trần Trung Hiếu	21/04/2020	Trần Thanh Tuấn	301779199	1.000.000				381921579
Cộng: 24 trẻ em							24.000.000				
TỔNG CỘNG										591.630.000	

TM.ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Sơn Hùng

Tổng số tiền hỗ trợ: 591.630.000 đồng
(Năm trăm chín mươi một triệu, sáu trăm ba mươi ngàn đồng chẵn)



ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH HỒ TRỢ NGƯỜI LAO ĐỘNG TẠM HOÀN THỰC HIỆN HỢP ĐỒNG LAO ĐỘNG, NGHỈ VIỆC
KHÔNG HƯỞNG LƯƠNG DO ĐẠI DỊCH COVID-19 CỦA CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ BẢO TRÌ CÔNG NGHIỆP ĐỒNG MINH KHÔI

(Đính kèm theo Quyết định số 3942 /QĐ-UBND ngày 06 tháng 10 năm 2021 của UBND tỉnh Đồng Nai)

TT	Họ và tên	Phòng, ban, phần xưởng làm việc	Loại hợp đồng lao động	Thời điểm bắt đầu thực hiện HDLĐ	Số số bảo hiểm	Thời điểm bắt đầu tạm hoãn, nghỉ việc không hưởng lương (Ngày tháng năm)	Thời gian tạm hoãn HDLĐ/nghỉ không hưởng lương		Số tiền hỗ trợ	Tài khoản của người lao động nhận hỗ trợ			Số CMND/ thẻ căn cước công dân
							Từ ngày tháng năm	Đến ngày tháng năm		Tên TK	Số TK	Ngân hàng	
I. Hỗ trợ người lao động tạm hoãn thực hiện hợp đồng lao động, nghỉ việc không hưởng lương													
1	Phan Đức Nhật	Thợ Hàn	Xác định thời hạn	01/07/2020	7516174731	01/08/2021	01/08/2021	01/10/2021	3.710.000	Phan Đức Nhật	0111157303	NH TMCP Đông Á - PGD Đồng Khởi CN Biên Hòa Đồng Nai	241390938
2	Trần Văn Phi	Thợ Hàn	Xác định thời hạn	01/07/2020	6623416382	01/08/2021	01/08/2021	01/10/2021	3.710.000	Trần Văn Phi	0108223246	NH TMCP Đông Á - CN Thủ Dầu Một Bình Dương	241240742



**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH HỖ TRỢ NGƯỜI LAO ĐỘNG TẠM HOÀN THỰC HIỆN HỢP ĐỒNG LAO ĐỘNG, NGHỈ VIỆC

KHÔNG HƯỞNG LƯƠNG DO ĐẠI DỊCH COVID-19 CỦA CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI VIỆT KHANG

(Đính kèm theo Quyết định số **3942** /QĐ-UBND ngày **06** tháng **10** năm 2021 của UBND tỉnh Đồng Nai)

TT	Họ và tên	Phòng, ban, phân xưởng làm việc	Loại hợp đồng lao động	Thời điểm bắt đầu thực hiện HĐLĐ	Số sổ bảo hiểm	Thời điểm bắt đầu tạm hoãn, nghỉ việc không hưởng lương (Ngày tháng năm)	Thời gian tạm hoãn HĐLĐ/nghỉ không hưởng lương		Số tiền hỗ trợ	Tài khoản của người lao động nhận hỗ trợ			Số CMND/thẻ căn cước công dân
							Từ ngày tháng năm	Đến ngày tháng năm		Tên TK	Số TK	Ngân hàng	
I. Hỗ trợ người lao động tạm hoãn thực hiện hợp đồng lao động, nghỉ việc không hưởng lương													
1	Nguyễn Văn Viễn	Công nhân	Xác định thời hạn (01 năm)	01/01/2021	7512202695	01/08/2021	01/08/2021	31/08/2021	3.710.000				270369198
2	Lê Thành Hiền	Công nhân	Xác định thời hạn (01 năm)	01/01/2021	7514168439	01/08/2021	01/08/2021	31/08/2021	3.710.000				270624851
3	Nguyễn Văn Lộc	Phó quản đốc	Xác định thời hạn (01 năm)	01/01/2021	7514168440	01/08/2021	01/08/2021	31/08/2021	3.710.000				270906625
4	Trần Thị Phương Oanh	Kế toán TT	Xác định thời hạn (01 năm)	01/01/2021	7416103554	01/08/2021	01/08/2021	31/08/2021	3.710.000				352348897
5	Nguyễn Thanh Tuấn	Tài xế	Xác định thời hạn (01 năm)	01/01/2021	8922436330	01/08/2021	01/08/2021	31/08/2021	3.710.000				351068761
6	Nguyễn Phước Sang	Kỹ sư hoá	Xác định thời hạn (01 năm)	01/01/2021	8925201335	01/08/2021	01/08/2021	31/08/2021	3.710.000	Nguyễn Phước Sang	37201018902005	NH TMCP Hàng Hải Việt Nam (MSB)	362086407
7	Bùi Thị Thiên Hương	Kỹ sư sinh học	Xác định thời hạn (01 năm)	01/01/2021	8925201341	01/08/2021	01/08/2021	31/08/2021	3.710.000	Bùi Thị Thiên Hương	37201018909134	NH TMCP Hàng Hải Việt Nam (MSB)	351546770
8	Hồ Ngọc Phương	Tài xế	Xác định thời hạn (01 năm)	01/01/2021	8914010775	01/08/2021	01/08/2021	31/08/2021	3.710.000				351139766
9	Nguyễn Thị Mỹ Châu	Tập Vụ	Xác định thời hạn (01 năm)	01/01/2021	8925201339	01/08/2021	01/08/2021	31/08/2021	3.710.000				351346281

TT	Họ và tên	Phòng, ban, phân xưởng làm việc	Loại hợp đồng lao động	Thời điểm bắt đầu thực hiện HĐLĐ	Số sổ bảo hiểm	Thời điểm bắt đầu tạm hoãn, nghỉ việc không hưởng lương (Ngày tháng năm)	Thời gian tạm hoãn HĐLĐ/ngiht không lương		Số tiền hỗ trợ	Tài khoản của người lao động nhận hỗ trợ			Số CMND/thẻ căn cước công dân
							Từ ngày tháng năm	Đến ngày tháng năm		Tên TK	Số TK	Ngân hàng	
10	Trần Phước Thọ	Phó Giám đốc	Xác định thời hạn (01 năm)	01/01/2021	8925201340	01/08/2021	01/08/2021	31/08/2021	3.710.000				351155190
11	Chau Day	Nhân viên	Xác định thời hạn (01 năm)	01/01/2021	8925201292	01/08/2021	01/08/2021	31/08/2021	3.710.000				351573970
12	Nguyễn Thành Tinh	Công nhân	Xác định thời hạn (01 năm)	01/01/2021	7524389423	01/08/2021	01/08/2021	31/08/2021	3.710.000				270908763
13	Dương Minh chí	Công nhân	Xác định thời hạn (01 năm)	01/01/2021	8924375828	01/08/2021	01/08/2021	31/08/2021	3.710.000				351203828
14	Nguyễn Văn Bình	Công nhân	Xác định thời hạn (01 năm)	01/01/2021	7524430837	01/08/2021	01/08/2021	31/08/2021	3.710.000				270650784
15	Chau Si	Công nhân	Xác định thời hạn (01 năm)	01/01/2021	8925201289	01/08/2021	01/08/2021	31/08/2021	3.710.000				350677667
Cộng: 15 người lao động									55.650.000				
TỔNG CỘNG													
									55.650.000				

TM.ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Sơn Hùng

Tổng số tiền hỗ trợ: 55.650.000 đồng
(Năm mươi lăm triệu, sáu trăm năm mươi ngàn đồng chẵn)

TT	Họ và tên	Phòng, ban, phân xưởng làm việc	Loại hợp đồng lao động	Thời điểm bắt đầu thực hiện HĐLĐ	Số số bảo hiểm	Thời điểm bắt đầu tạm hoãn, nghỉ việc không hưởng lương (Ngày tháng năm)	Thời gian tạm hoãn HĐLĐ/ngỉ không lương		Số tiền hỗ trợ	Tài khoản của người lao động nhận hỗ trợ			Số CMND/thẻ căn cước công dân
							Từ ngày tháng năm	Đến ngày tháng năm		Tên TK	Số TK	Ngân hàng	
7	Vũ Như Ý	Ban Giám sát	Không xác định thời hạn	01/01/2016	7509003312	15/08/2021	15/08/2021	30/09/2021	3.710.000				030711207
8	Nguyễn Văn Tiền	Bảo vệ	Không xác định thời hạn	01/01/2016	7509010942	15/08/2021	15/08/2021	30/09/2021	3.710.000				271098927
9	Huỳnh Duy Ninh	Bảo vệ	Không xác định thời hạn	01/04/2021	7524319830	15/08/2021	15/08/2021	30/09/2021	3.710.000				270659574
10	Thái Vũ Thuật	Bảo vệ	Không xác định thời hạn	01/01/2016	7510182924	15/08/2021	15/08/2021	30/09/2021	3.710.000				272449533
11	Nguyễn Tấn Chức	Bảo vệ	Không xác định thời hạn	01/02/2021	4704039409	15/08/2021	15/08/2021	30/09/2021	3.710.000				271018235
12	Đoàn Hoàng Lâm	Bảo vệ	Không xác định thời hạn	01/02/2021	7512202276	15/08/2021	15/08/2021	30/09/2021	3.710.000				271377105
13	Hứa Tấn Ngân	Bảo vệ	Không xác định thời hạn	01/04/2021	7526935670	15/08/2021	15/08/2021	30/09/2021	3.710.000				271209901
14	Đỗ Thị Lượn	Hành Chính Nhân Sự	Không xác định thời hạn	01/01/2016	7510196288	15/08/2021	15/08/2021	30/09/2021	3.710.000				271751432
15	Đoàn Thị Thanh Bình	Hành Chính Nhân Sự	Không xác định thời hạn	01/01/2016	7510182922	15/08/2021	15/08/2021	30/09/2021	3.710.000	Đoàn Thị Thanh Bình	0481000782931	Vietcombank Phòng Giao Dịch KCN Amata Biên Hòa Đồng Nai	271249593
16	Khúc Thị Hậu	Hành Chính Nhân Sự	Không xác định thời hạn	01/01/2016	7510182921	15/08/2021	15/08/2021	30/09/2021	3.710.000				276032570
17	Ngô Văn Kỳ	Hành Chính Nhân Sự	Không xác định thời hạn	01/01/2016	4706026625	15/08/2021	15/08/2021	30/09/2021	3.710.000				031081001558



TT	Họ và tên	Phòng, ban, phần xướng làm việc	Loại hợp đồng lao động	Thời điểm bắt đầu thực hiện HĐLĐ	Số sổ bảo hiểm	Thời điểm bắt đầu tạm hoãn, nghỉ việc không hưởng lương (Ngày tháng năm)	Thời gian tạm hoãn HĐLĐ/nghỉ không hưởng lương		Số tiền hỗ trợ	Tài khoản của người lao động nhận hỗ trợ			Số CMND/thẻ căn cước công dân
							Từ ngày tháng năm	Đến ngày tháng năm		Tên TK	Số TK	Ngân hàng	
18	Vũ Văn Hòa	Hành Chính Nhân Sự	Không xác định thời hạn	01/01/2016	7509024724	15/08/2021	15/08/2021	30/09/2021	3.710.000				272763064
19	Tô Xuân Hưng	Hành Chính Nhân Sự	Không xác định thời hạn	01/01/2016	7509003339	15/08/2021	15/08/2021	30/09/2021	3.710.000	Tô Xuân Hưng	0121000693328	Vietcombank Tân Phong Biển Hòa Đồng Nai	272388700
20	Khúc Thị Đan	Hành Chính Nhân Sự	Không xác định thời hạn	01/08/2018	7526677214	15/08/2021	15/08/2021	31/08/2021	1.855.000				030498628
21	Khúc Thị Doan	Hành Chính Nhân Sự	Không xác định thời hạn	01/08/2018	7526677217	15/08/2021	15/08/2021	30/09/2021	3.710.000				272681412
22	Phạm Văn Tem	Hành Chính Nhân Sự	Không xác định thời hạn	01/01/2016	7509003400	15/08/2021	15/08/2021	30/09/2021	3.710.000				272921600
23	Tô Văn Nam	Hành Chính Nhân Sự	Không xác định thời hạn	01/08/2018	3122625852	15/08/2021	15/08/2021	30/09/2021	3.710.000				030535702
24	Phạm Thị Hương Duyên	Hành Chính Nhân Sự	Xác định thời hạn	01/11/2020	7510085320	15/08/2021	15/08/2021	30/09/2021	3.710.000	Phạm Thị Hương Duyên	163384209	ACB Chi nhánh Đồng Nai	271989816
25	Lê Thị Bắc	Hành Chính Nhân Sự	Xác định thời hạn	20/04/2021	7511154549	15/08/2021	15/08/2021	30/09/2021	3.710.000				272889263
26	Dương Thị Lê Thủy	Kế toán	Không xác định thời hạn	01/01/2016	7909195140	15/08/2021	15/08/2021	30/09/2021	3.710.000	Dương Thị Lê Thủy	143704070004828	HDBank PGD Thanh Phú Đồng Nai	271827041
27	Nguyễn Thị Phương Thảo	Kế toán	Không xác định thời hạn	23/10/2016	7021853882	15/08/2021	15/08/2021	30/09/2021	3.710.000	Nguyễn Thị Phương Thảo	114741189	ACB - PGD Bình Long - Bình Phước	285518885
28	Võ Thị Hồng Ngọc	Kế toán	Xác định thời hạn	01/06/2020	0207090468	15/08/2021	15/08/2021	30/09/2021	3.710.000	Võ Thị Hồng Ngọc	0121000813927	Vietcombank CN Đồng Nai	272806308

TT	Họ và tên	Phòng, ban, phân xưởng làm việc	Loại hợp đồng lao động	Thời điểm bắt đầu thực hiện HĐLĐ	Số sổ bảo hiểm	Thời điểm bắt đầu tạm hoãn, nghỉ việc không hưởng lương (Ngày tháng năm)	Thời gian tạm hoãn HĐLĐ/ngỉ không lương		Số tiền hỗ trợ	Tài khoản của người lao động nhận hỗ trợ			Số CMND/thẻ căn cước công dân
							Từ ngày tháng năm	Đến ngày tháng năm		Tên TK	Số TK	Ngân hàng	
29	Nguyễn Đỗ Mạnh	Kho vật tư	Không xác định thời hạn	01/01/2016	4706026609	15/08/2021	15/08/2021	30/09/2021	3.710.000	Nguyễn Đỗ Mạnh	0121000867322	Vietcombank Chi nhánh Đồng Nai	272689486
30	Nguyễn Văn Tọa	Kho vật tư	Không xác định thời hạn	01/01/2016	4706026607	15/08/2021	15/08/2021	30/09/2021	3.710.000				030498766
31	Nguyễn Văn Trang	Kho vật tư	Không xác định thời hạn	01/01/2016	0203087380	15/08/2021	15/08/2021	30/09/2021	3.710.000	Nguyễn Văn Trang	0121000837344	Vietcombank Chi nhánh Đồng Nai	031081001604
32	Khúc Thị Hạnh	Kho vật tư	Không xác định thời hạn	01/08/2018	7526677216	15/08/2021	15/08/2021	30/09/2021	3.710.000				030498806
33	Tô Xuân Hòa	Kho vật tư	Không xác định thời hạn	01/01/2016	4703008169	15/08/2021	15/08/2021	30/09/2021	3.710.000	Tô Xuân Hòa	5904205081798	Agribank Chi Nhánh Vĩnh Cửu, Đồng Nai	272479251
34	Hoàng Văn Lục	Chăm chuyển	Không xác định thời hạn	06/10/2019	7516142249	15/08/2021	15/08/2021	30/09/2021	3.710.000	Hoàng Văn Lục	21055067	ACB Chi Nhánh Biên Hòa	031075007597
35	Hoàng Văn Trung	Chăm chuyển	Không xác định thời hạn	01/01/2016	4704057545	15/08/2021	15/08/2021	30/09/2021	3.710.000				272319741
36	Vũ Văn Thành	Chăm chuyển	Không xác định thời hạn	01/01/2016	7509075802	15/08/2021	15/08/2021	30/09/2021	3.710.000				272488020
37	Thái Đăng Khoa	Tổ khoan	Không xác định thời hạn	10/07/2019	7516108896	15/08/2021	15/08/2021	30/09/2021	3.710.000	Thái Đăng Khoa	6940199999979	MB Bank Tam Hiệp Đồng Nai	352495988
38	Hoàng Tấn Quân	Tổ khoan	Không xác định thời hạn	14/04/2016	7516108022	15/08/2021	15/08/2021	30/09/2021	3.710.000				191271933
39	Nguyễn Văn Chát	Tổ khoan	Không xác định thời hạn	01/01/2016	7509003332	15/08/2021	15/08/2021	30/09/2021	3.710.000				272588670

TT	Họ và tên	Phòng, ban, phân xưởng làm việc	Loại hợp đồng lao động	Thời điểm bắt đầu thực hiện HĐLĐ	Số sổ bảo hiểm	Thời điểm bắt đầu tạm hoãn, nghỉ việc không hưởng lương (Ngày tháng năm)	Thời gian tạm hoãn HĐLĐ/nghỉ không hưởng lương		Số tiền hỗ trợ	Tài khoản của người lao động nhận hỗ trợ			Số CMND/thẻ căn cước công dân
							Từ ngày tháng năm	Đến ngày tháng năm		Tên TK	Số TK	Ngân hàng	
40	Nguyễn Văn Lê	Tổ khoan	Không xác định thời hạn	01/01/2016	7513151529	15/08/2021	15/08/2021	30/09/2021	3.710.000				351246859
41	Lê Thanh Vinh	Tổ khoan	Không xác định thời hạn	01/01/2016	7509003333	15/08/2021	15/08/2021	30/09/2021	3.710.000	Lê Thanh Vinh	5904205187199	Agribank Chi Nhánh Vĩnh Cửu, Đồng Nai	211636795
42	Đinh Trọng Hải	Tổ mìn	Không xác định thời hạn	03/03/2016	7516108024	15/08/2021	15/08/2021	30/09/2021	3.710.000				272582588
43	Đặng Thái Luân	Tổ mìn	Không xác định thời hạn	01/01/2016	7513077380	15/08/2021	15/08/2021	30/09/2021	3.710.000				276071558
44	Lê Bá Thanh	Tổ mìn	Không xác định thời hạn	01/01/2016	7510182919	15/08/2021	15/08/2021	30/09/2021	3.710.000				186024746
45	Đào Viết Phương	Tổ mìn	Không xác định thời hạn	10/04/2016	9714821010	15/08/2021	15/08/2021	30/09/2021	3.710.000				272501693
46	Nguyễn Văn Dân	Tổ mìn	Không xác định thời hạn	01/01/2016	7509024786	15/08/2021	15/08/2021	30/09/2021	3.710.000				272530545
47	Nguyễn Đức Cẩn	Tổ mìn	Không xác định thời hạn	01/01/2016	7509003325	15/08/2021	15/08/2021	30/09/2021	3.710.000				272437385
48	Nguyễn Văn Thông	Tổ mìn	Không xác định thời hạn	01/01/2016	4706026627	15/08/2021	15/08/2021	30/09/2021	3.710.000				272568032
49	Đoàn Chiến Thắng	Tổ mìn	Không xác định thời hạn	01/01/2016	7509024785	15/08/2021	15/08/2021	30/09/2021	3.710.000	Đoàn Chiến Thắng	102870931460	Vietinbank Chi Nhánh Bưu Hòa Biên Hòa Đồng Nai	272299460
50	Nguyễn Ngọc Tú	Tổ mìn	Xác định thời hạn	01/11/2020	3420287352	15/08/2021	15/08/2021	30/09/2021	3.710.000	Nguyễn Ngọc Tú	146603106	VPBank Chi Nhánh Yên Hòa Cầu Giấy Hà Nội	152095083

TT	Họ và tên	Phòng, ban, phân xưởng làm việc	Loại hợp đồng lao động	Thời điểm bắt đầu thực hiện HĐLĐ	Số sổ bảo hiểm	Thời điểm bắt đầu tạm hoãn, nghỉ việc không hưởng lương (Ngày tháng năm)	Thời gian tạm hoãn HĐLĐ/ngỉ không lương		Số tiền hỗ trợ	Tài khoản của người lao động nhận hỗ trợ			Số CMND/thẻ căn cước công dân
							Từ ngày tháng năm	Đến ngày tháng năm		Tên TK	Số TK	Ngân hàng	
51	Bùi Trung Huỳnh	Tổ mìn	Không xác định thời hạn	01/01/2016	4201002373	15/08/2021	15/08/2021	30/09/2021	3.710.000	Bùi Trung Huỳnh	25001010909410	MSB Chi Nhánh Đồng Nai	151193064
52	Khúc Văn Trung	Xưởng gạch	Xác định thời hạn	01/11/2020	7514157333	15/08/2021	15/08/2021	30/09/2021	3.710.000	Khúc Văn Trung	186910779	ACB Chi Nhánh Đồng Khởi Biên Hòa, Đồng Nai	272486731
53	Lê Hồng Xướng	Xe hăm	Không xác định thời hạn	01/01/2016	7509003367	15/08/2021	15/08/2021	30/09/2021	3.710.000				272529194
54	Nguyễn Văn Lực	Xe hăm	Không xác định thời hạn	02/06/2020	7511212787	15/08/2021	15/08/2021	30/09/2021	3.710.000				290389156
55	Nguyễn Trung Kiên	Xe hăm	Không xác định thời hạn	01/06/2016	7516109060	15/08/2021	15/08/2021	30/09/2021	3.710.000				162007716
56	Đỗ Huy Tư	Xe hăm	Không xác định thời hạn	01/01/2016	7514167925	15/08/2021	15/08/2021	30/09/2021	3.710.000				172357349
57	Tạ Vũ Hải	Xe hăm	Không xác định thời hạn	14/07/2019	7515072966	15/08/2021	15/08/2021	30/09/2021	3.710.000				301382885
58	Vũ Đức Bằng	Xe hăm	Không xác định thời hạn	01/06/2016	7509077162	15/08/2021	15/08/2021	30/09/2021	3.710.000	Vũ Đức Bằng	67010001098172	BIDV Đồng Nai	272444460
59	Nguyễn Mạnh Hùng	Xe hăm	Không xác định thời hạn	02/09/2019	4009016770	15/08/2021	15/08/2021	30/09/2021	3.710.000	Nguyễn Mạnh Hùng	102870645048	VietinBank Chi Nhánh Biên Hòa Đồng Nai	186418998
60	Trần Công Hòa	Xe hăm	Không xác định thời hạn	01/01/2016	7511158842	15/08/2021	15/08/2021	30/09/2021	3.710.000	Trần Công Hòa	050111356073	Sacom Bank Chi Nhánh Vĩnh Cửu Đồng Nai	274393774
61	Nguyễn Quang Chính	Xe hăm	Không xác định thời hạn	01/01/2016	7509003357	15/08/2021	15/08/2021	30/09/2021	3.710.000	Nguyễn Quang Chính	108870896358	VietinBank Chi Nhánh Biên Hòa Đồng Nai	031091525

TT	Họ và tên	Phòng, ban, phần xướng làm việc	Loại hợp đồng lao động	Thời điểm bắt đầu thực hiện HĐLĐ	Số sổ bảo hiểm	Thời điểm bắt đầu tạm hoãn, nghỉ việc không hưởng lương (Ngày tháng năm)	Thời gian tạm hoãn HĐLĐ/nghỉ không hưởng lương		Số tiền hỗ trợ	Tài khoản của người lao động nhận hỗ trợ			Số CMND/thẻ căn cước công dân
							Từ ngày tháng năm	Đến ngày tháng năm		Tên TK	Số TK	Ngân hàng	
62	Nguyễn Minh Tiến	Xe hăm	Không xác định thời hạn	20/05/2020	4705066583	15/08/2021	15/08/2021	30/09/2021	3.710.000				271711662
63	Chau Úc	Xe hăm	Không xác định thời hạn	24/11/2018	8924642187	15/08/2021	15/08/2021	30/09/2021	3.710.000				352136477
64	Nguyễn Đình Ngọc Anh	Xe hăm	Không xác định thời hạn	01/07/2016	7516109066	15/08/2021	15/08/2021	30/09/2021	3.710.000				27609856
65	Đặng Văn Cảnh	Xe hăm	Không xác định thời hạn	01/03/2016	7509003372	15/08/2021	15/08/2021	30/09/2021	3.710.000	Đặng Văn Cảnh	5904205081883	Agribank Chi Nhánh Thanh Phú Bắc Đồng Nai	270360776
66	Mai Bá Tiến	Xe hăm	Không xác định thời hạn	02/04/2021	7509033029	15/08/2021	15/08/2021	30/09/2021	3.710.000				271040393
67	Lê Văn Thọ	Xe hăm	Không xác định thời hạn	01/03/2016	7516108018	15/08/2021	15/08/2021	30/09/2021	3.710.000	Lê Văn Thọ	5591205360073	Agribank Chi Nhánh DT An Bình Dương	038082005494
68	Trần Văn Khuê	Xe hăm	Không xác định thời hạn	01/01/2016	7509003348	15/08/2021	15/08/2021	30/09/2021	3.710.000	Trần Văn Khuê	5904205186797	Agribank Chi Nhánh Thanh Phú vịnh cửu DN	220806745
69	Trần Công Thanh	Xe hăm	Không xác định thời hạn	01/01/2016	7512172929	15/08/2021	15/08/2021	30/09/2021	3.710.000				271554732
70	Nguyễn Văn Hiệp	Xe hăm	Không xác định thời hạn	01/04/2020	7516091916	15/08/2021	15/08/2021	30/09/2021	3.710.000				271067962
71	Trần Đạo Dũng	Xe hăm	Không xác định thời hạn	02/05/2020	7411021684	15/08/2021	15/08/2021	30/09/2021	3.710.000	Trần Đạo Dũng	105871927795	VietinBank Chi Nhánh Biên Hòa Đồng Nai	272217389
72	Trần Minh Phương	Xe hăm	Không xác định thời hạn	02/05/2020	7511156667	15/08/2021	15/08/2021	30/09/2021	3.710.000				031293447

TT	Họ và tên	Phòng, ban, phân xưởng làm việc	Loại hợp đồng lao động	Thời điểm bắt đầu thực hiện HĐLĐ	Số sổ bảo hiểm	Thời điểm bắt đầu tạm hoãn, nghỉ việc không hưởng lương (Ngày tháng năm)	Thời gian tạm hoãn HĐLĐ/ngiht không lương		Số tiền hỗ trợ	Tài khoản của người lao động nhận hỗ trợ			Số CMND/thẻ căn cước công dân
							Từ ngày tháng năm	Đến ngày tháng năm		Tên TK	Số TK	Ngân hàng	
73	Trần Thanh Phong	Xe hăm	Không xác định thời hạn	02/05/2020	7512172931	15/08/2021	15/08/2021	30/09/2021	3.710.000				271596027
74	Lại Văn Sĩ	Xe hăm	Xác định thời hạn	02/05/2020	7523210312	15/08/2021	15/08/2021	30/09/2021	3.710.000				271698296
75	Đồng Văn Hiếu	Xe hăm	Xác định thời hạn	13/06/2020	8010003323	15/08/2021	15/08/2021	30/09/2021	3.710.000				162957963
76	Lại Văn Lâm	Xe hăm	Xác định thời hạn	01/08/2020	7526676940	15/08/2021	15/08/2021	30/09/2021	3.710.000				271376015
77	Nguyễn Văn Quân	Xe hăm	Xác định thời hạn	02/01/2021	0297017872	15/08/2021	15/08/2021	30/09/2021	3.710.000	Nguyễn Văn Quân	62010000318960	BIDV Chi nhánh Gia Lai	272267249
78	Lê Văn Đức	Xe hăm	Xác định thời hạn	01/06/2021	7511156669	15/08/2021	15/08/2021	30/09/2021	3.710.000				038077009903
79	Nguyễn Văn Biên	Xe hăm	Xác định thời hạn	01/06/2021	7515104261	15/08/2021	15/08/2021	30/09/2021	3.710.000	Nguyễn Văn Biên	4674537	ACB Pgd Đồng Khởi Biên Hòa	271317030
80	Phạm Minh Lộc	Xe hăm	Xác định thời hạn	02/08/2021	7523860794	01/09/2021	01/09/2021	30/09/2021	3.710.000				271619864
81	Phạm Minh Tùng	Máy đào	Không xác định thời hạn	02/05/2021	7523855646	15/08/2021	15/08/2021	30/09/2021	3.710.000				272039949
82	Đỗ Huy Sức	Máy đào	Không xác định thời hạn	01/01/2016	7509024778	15/08/2021	15/08/2021	30/09/2021	3.710.000				171613847
83	Nguyễn Thanh Hiền	Máy đào	Không xác định thời hạn	01/01/2016	7509024783	15/08/2021	15/08/2021	30/09/2021	3.710.000				311921377

TT	Họ và tên	Phòng, ban, phần xưởng làm việc	Loại hợp đồng lao động	Thời điểm bắt đầu thực hiện HĐLĐ	Số sổ bảo hiểm	Thời điểm bắt đầu tạm hoãn, nghỉ việc không hưởng lương (Ngày tháng năm)	Thời gian tạm hoãn HĐLĐ/nghỉ không hưởng lương		Số tiền hỗ trợ	Tài khoản của người lao động nhận hỗ trợ			Số CMND/thẻ căn cước công dân
							Từ ngày tháng năm	Đến ngày tháng năm		Tên TK	Số TK	Ngân hàng	
84	Tô Văn Tư	Máy đào	Không xác định thời hạn	01/01/2016	7509003340	15/08/2021	15/08/2021	30/09/2021	3.710.000				276033664
85	Khúc Văn Diệu	Máy đào	Không xác định thời hạn	01/01/2016	7509003336	15/08/2021	15/08/2021	30/09/2021	3.710.000	Khúc Văn Diệu	0121000871737	Vietcombank Chi nhánh Đồng Nai	031411467
86	Ma Đình Công	Máy đào	Không xác định thời hạn	01/01/2016	7510001576	15/08/2021	15/08/2021	30/09/2021	3.710.000				272780300
87	Lê Văn Sơn	Máy đào	Không xác định thời hạn	01/01/2016	7509024791	15/08/2021	15/08/2021	30/09/2021	3.710.000				112326195
88	Phạm Văn Thường	Máy đào	Không xác định thời hạn	01/01/2016	7509024711	15/08/2021	15/08/2021	30/09/2021	3.710.000	Phạm Văn Thường	659704060097190	Ngân Hàng Quốc Tế VIB	271745887
89	Trần Nhân Thành	Máy đào	Không xác định thời hạn	01/01/2016	7508192990	15/08/2021	15/08/2021	30/09/2021	3.710.000				272053233
90	Nguyễn Mạnh Linh	Máy đào	Xác định thời hạn	05/09/2020	7513156370	15/08/2021	15/08/2021	30/09/2021	3.710.000				261635523
91	Trần Công Phúc	Máy đào	Không xác định thời hạn	01/09/2020	7516042675	15/08/2021	15/08/2021	30/09/2021	3.710.000				272353858
92	Bùi Quang Hậu	Xe ủi	Không xác định thời hạn	01/01/2016	7512168646	15/08/2021	15/08/2021	30/09/2021	3.710.000				272598697
93	Vũ Việt Tuấn	Xe cẩu	Không xác định thời hạn	01/08/2018	7509077166	15/08/2021	15/08/2021	30/09/2021	3.710.000				272639406
94	Dương Vương Quốc	Xe nước	Không xác định thời hạn	01/08/2018	7509003351	15/08/2021	15/08/2021	30/09/2021	3.710.000				270742971

TT	Họ và tên	Phòng, ban, phần xưởng làm việc	Loại hợp đồng lao động	Thời điểm bắt đầu thực hiện HĐLĐ	Số sổ bảo hiểm	Thời điểm bắt đầu tạm hoãn, nghỉ việc không hưởng lương (Ngày tháng năm)	Thời gian tạm hoãn HĐLĐ/nghỉ không lương		Số tiền hỗ trợ	Tài khoản của người lao động nhận hỗ trợ			Số CMND/thẻ căn cước công dân
							Từ ngày tháng năm	Đến ngày tháng năm		Tên TK	Số TK	Ngân hàng	
95	Trần Văn Các	Xe nước	Không xác định thời hạn	01/01/2016	7510191177	15/08/2021	15/08/2021	30/09/2021	3.710.000				250834638
96	Nguyễn Mạnh Quỳnh	Xe nước	Không xác định thời hạn	25/03/2016	4705052355	15/08/2021	15/08/2021	30/09/2021	3.710.000				271557039
97	Trần Mạnh Hùng	Xe xúc	Không xác định thời hạn	01/01/2016	7509024768	15/08/2021	15/08/2021	30/09/2021	3.710.000	Trần Mạnh Hùng	101870991696	Vietinbank Cn Đồng Nai	270971561
98	Bùi Nguyễn Phương	Xe xúc	Không xác định thời hạn	13/04/2021	7526782397	15/08/2021	15/08/2021	30/09/2021	3.710.000				271458610
99	Vũ Đức Tuấn	Xe xúc	Không xác định thời hạn	01/01/2016	7509024794	15/08/2021	15/08/2021	30/09/2021	3.710.000				031035962
100	Ngô Văn Du	Xe xúc	Không xác định thời hạn	01/12/2016	7509024766	15/08/2021	15/08/2021	30/09/2021	3.710.000				172257564
101	Nguyễn Thành Lâm	Xe xúc	Không xác định thời hạn	02/01/2019	7509077145	15/08/2021	15/08/2021	30/09/2021	3.710.000				271098157
102	Phạm Công Thái	Xe xúc	Không xác định thời hạn	01/11/2020	7424406801	15/08/2021	15/08/2021	30/09/2021	3.710.000				280821809
103	Nguyễn Đắc Tuấn	Xe xúc	Không xác định thời hạn	01/01/2016	7509024775	15/08/2021	15/08/2021	30/09/2021	3.710.000				271476486
104	Lê Dũ	Xe xúc	Không xác định thời hạn	01/01/2016	0296356222	15/08/2021	15/08/2021	30/09/2021	3.710.000	Lê Dũ	19037469674012	Techcombank Cn Đồng Nai	220358913
105	Lê Minh Tuấn	Xe xúc	Không xác định thời hạn	01/01/2016	7509024767	15/08/2021	15/08/2021	30/09/2021	3.710.000	Lê Minh Tuấn	550221502817	Agribank Cn Tân Uyên Bình Dương	280679067



TT	Họ và tên	Phòng, ban, phần xưởng làm việc	Loại hợp đồng lao động	Thời điểm bắt đầu thực hiện HĐLĐ	Số sổ bảo hiểm	Thời điểm bắt đầu tạm hoãn, nghỉ việc không hưởng lương (Ngày tháng năm)	Thời gian tạm hoãn HĐLĐ/nghỉ không hưởng lương		Số tiền hỗ trợ	Tài khoản của người lao động nhận hỗ trợ			Số CMND/thẻ căn cước công dân
							Từ ngày tháng năm	Đến ngày tháng năm		Tên TK	Số TK	Ngân hàng	
106	Bùi Văn Thủy	Xe xúc	Không xác định thời hạn	01/01/2016	7509024887	15/08/2021	15/08/2021	30/09/2021	3.710.000				272272666
107	Đoàn Thanh Long	Xe xúc	Không xác định thời hạn	01/01/2016	7510002522	15/08/2021	15/08/2021	30/09/2021	3.710.000	Đoàn Thanh Long	1022722586	Vietcombank Chi nhánh Biên Hòa Đồng Nai	271744308
108	Phạm Văn Hoàng	Xe xúc	Không xác định thời hạn	01/01/2016	5107012883	15/08/2021	15/08/2021	30/09/2021	3.710.000	Phạm Văn Hoàng	1022722484	Vietcombank Chi nhánh Biên Hòa Đồng Nai	271981168
109	Phạm Tuấn Anh	Xe xúc	Không xác định thời hạn	01/01/2016	4703008174	15/08/2021	15/08/2021	30/09/2021	3.710.000				031129789
110	Trịnh Ngọc Tấn	Xe xúc	Không xác định thời hạn	01/04/2020	7509077143	15/08/2021	15/08/2021	30/09/2021	3.710.000				171838644
111	Lý Văn Hiền	Xe xúc	Xác định thời hạn	15/04/2021	7523562739	15/08/2021	15/08/2021	30/09/2021	3.710.000				271388847
112	Phạm Xuân Tuyền	Máy xay	Không xác định thời hạn	01/01/2016	7509003374	15/08/2021	15/08/2021	30/09/2021	3.710.000				190931227
113	Huỳnh Hoàng Anh	Máy xay	Không xác định thời hạn	01/01/2016	7509046226	15/08/2021	15/08/2021	30/09/2021	3.710.000				271827601
114	Nguyễn Hữu Nhuận	Máy xay	Không xác định thời hạn	14/03/2016	7509003373	15/08/2021	15/08/2021	30/09/2021	3.710.000				172899665
115	Cao Văn Kiên	Máy xay	Không xác định thời hạn	01/01/2016	7509003392	15/08/2021	15/08/2021	30/09/2021	3.710.000				270909828
116	Nguyễn Quang Đường	Máy xay	Không xác định thời hạn	01/01/2016	7509024725	15/08/2021	15/08/2021	30/09/2021	3.710.000				181904597

TT	Họ và tên	Phòng, ban, phân xưởng làm việc	Loại hợp đồng lao động	Thời điểm bắt đầu thực hiện HĐLĐ	Số sổ bảo hiểm	Thời điểm bắt đầu tạm hoãn, nghỉ việc không hưởng lương (Ngày tháng năm)	Thời gian tạm hoãn HĐLĐ/ngỉ không lương		Số tiền hỗ trợ	Tài khoản của người lao động nhận hỗ trợ			Số CMND/thẻ căn cước công dân
							Từ ngày tháng năm	Đến ngày tháng năm		Tên TK	Số TK	Ngân hàng	
117	Khúc Văn Đà	Máy xay	Không xác định thời hạn	01/01/2016	4704003924	15/08/2021	15/08/2021	30/09/2021	3.710.000				030711424
118	Trần Ngọc Thuận	Máy xay	Không xác định thời hạn	02/04/2021	7516177222	15/08/2021	15/08/2021	30/09/2021	3.710.000				271209734
119	Hoàng Văn Tỉnh	Máy xay	Không xác định thời hạn	14/03/2020	7516177223	15/08/2021	15/08/2021	30/09/2021	3.710.000				272719220
120	Nguyễn Trung Khai	Máy xay	Không xác định thời hạn	01/01/2016	4706026624	15/08/2021	15/08/2021	30/09/2021	3.710.000				030137756
121	Ngô Văn Dương	Máy xay	Không xác định thời hạn	01/01/2016	7509003385	15/08/2021	15/08/2021	30/09/2021	3.710.000				171853261
122	Nguyễn Xuân Thủy	Máy xay	Không xác định thời hạn	01/01/2016	7509024743	15/08/2021	15/08/2021	30/09/2021	3.710.000				030965536
123	Trương Quốc Huy	Máy xay	Không xác định thời hạn	01/01/2016	7511161279	15/08/2021	15/08/2021	30/09/2021	3.710.000				271377362
124	Nguyễn Kim Nam	Máy xay	Không xác định thời hạn	01/01/2016	7509003376	15/08/2021	15/08/2021	30/09/2021	3.710.000				271660519
125	Nguyễn Thế Cơ	Máy xay	Không xác định thời hạn	01/01/2016	4704014977	15/08/2021	15/08/2021	30/09/2021	3.710.000				031287955
126	Mai Văn Luận	Máy xay	Không xác định thời hạn	01/01/2016	7509003388	15/08/2021	15/08/2021	30/09/2021	3.710.000				171670926
127	Đặng Văn Lực	Máy xay	Không xác định thời hạn	02/03/2020	7509024763	15/08/2021	15/08/2021	30/09/2021	3.710.000				272682300



TT	Họ và tên	Phòng, ban, phần việc	Loại hợp đồng lao động	Thời điểm bắt đầu thực hiện HĐLĐ	Số sổ bảo hiểm	Thời điểm bắt đầu tạm hoãn, nghỉ việc không hưởng lương (Ngày tháng năm)	Thời gian tạm hoãn HĐLĐ/nghỉ không hưởng lương		Số tiền hỗ trợ	Tài khoản của người lao động nhận hỗ trợ			Số CMND/thẻ căn cước công dân
							Từ ngày tháng năm	Đến ngày tháng năm		Tên TK	Số TK	Ngân hàng	
128	Đỗ Huy Quang	Máy xây	Xác định thời hạn	03/08/2020	7511207172	15/08/2021	15/08/2021	30/09/2021	3.710.000				272889646
129	Dặng Minh Tuấn	Máy xây	Không xác định thời hạn	01/01/2016	7510001579	15/08/2021	15/08/2021	30/09/2021	3.710.000				271098928
130	Phạm Văn Duy	Máy xây	Không xác định thời hạn	26/11/2017	3122304910	15/08/2021	15/08/2021	30/09/2021	3.710.000				031452586
131	Trần Ngọc Minh	Máy xây	Không xác định thời hạn	01/01/2016	7509003389	15/08/2021	15/08/2021	30/09/2021	3.710.000	Trần Ngọc Minh	100870535410	Vietinbank Cn Đồng Nai	110620924
132	Lê Văn Sáu	Máy xây	Không xác định thời hạn	01/01/2016	7509003375	15/08/2021	15/08/2021	30/09/2021	3.710.000				172964852
133	Mai Văn Hiếu	Máy xây	Không xác định thời hạn	01/01/2016	7908202830	15/08/2021	15/08/2021	30/09/2021	3.710.000				270376055
134	Nguyễn Tiến Dũng	Máy xây	Xác định thời hạn	02/05/2021	3321585446	15/08/2021	15/08/2021	30/09/2021	3.710.000	Nguyễn Tiến Dũng	19033325785019	Teckcombank Chi Nhánh Long Biên Hà Nội	145698061
135	Khúc Văn Quyết	Máy xây	Không xác định thời hạn	01/01/2016	7509003395	15/08/2021	15/08/2021	30/09/2021	3.710.000				276039733
136	Mai Văn Thuận	Máy xây	Không xác định thời hạn	01/01/2016	0201073721	15/08/2021	15/08/2021	30/09/2021	3.710.000				272207096
137	Ngô Văn Tiến	Máy xây	Xác định thời hạn	21/06/2021	7524455875	15/08/2021	15/08/2021	30/09/2021	3.710.000				272797424
138	Nguyễn Sỹ Việt	Tò điện	Không xác định thời hạn	01/01/2016	7509024723	15/08/2021	15/08/2021	30/09/2021	3.710.000				186138689

TT	Họ và tên	Phòng, ban, phân xưởng làm việc	Loại hợp đồng lao động	Thời điểm bắt đầu thực hiện HĐLĐ	Số sổ bảo hiểm	Thời điểm bắt đầu tạm hoãn, nghỉ việc không hưởng lương (Ngày tháng năm)	Thời gian tạm hoãn HĐLĐ/ngiht không lương		Số tiền hỗ trợ	Tài khoản của người lao động nhận hỗ trợ			Số CMND/thẻ căn cước công dân
							Từ ngày tháng năm	Đến ngày tháng năm		Tên TK	Số TK	Ngân hàng	
139	Lương Văn Sơn	Tổ điện	Xác định thời hạn	02/04/2021	4796006318	15/08/2021	15/08/2021	30/09/2021	3.710.000				271018418
140	Nguyễn Lương Nhứt	Điều Đá	Không xác định thời hạn	01/01/2016	7509077161	15/08/2021	15/08/2021	30/09/2021	3.710.000				271650122
141	Đào Văn Thuận	Điều Đá	Không xác định thời hạn	04/02/2016	7516107879	15/08/2021	15/08/2021	30/09/2021	3.710.000	Đào Văn Thuận	0121000843110	Vietcombank Chi Nhánh Đồng Nai	034063002703
142	Lê Văn Hòa	Điều Đá	Không xác định thời hạn	01/01/2016	7509075798	15/08/2021	15/08/2021	30/09/2021	3.710.000				186943563
143	Bùi Văn Nam	Điều Đá	Không xác định thời hạn	01/03/2021	7515101089	15/08/2021	15/08/2021	30/09/2021	3.710.000	Bùi Văn Nam	1012452629	SHB Chi Nhánh Đồng Khởi Biên Hòa Đồng Nai	173638661
144	Phạm Văn Dán	Tổ cán	Không xác định thời hạn	01/01/2016	7509003315	15/08/2021	15/08/2021	30/09/2021	3.710.000				024810376
145	Tô Văn Đức	Tổ cán	Không xác định thời hạn	01/01/2016	7509003313	15/08/2021	15/08/2021	30/09/2021	3.710.000				031063317
146	Nguyễn Văn Ủy	Tổ cán	Không xác định thời hạn	01/01/2016	7509003319	15/08/2021	15/08/2021	30/09/2021	3.710.000	Nguyễn Văn Ủy	100867507832	Vietinbank Chi Nhánh Đồng Nai	276029003
147	Khúc Văn Thịnh	Tổ cán	Không xác định thời hạn	02/10/2020	7526818396	15/08/2021	15/08/2021	30/09/2021	3.710.000				272479079
148	Vý Thành Lộc	Xe Căng	Không xác định thời hạn	01/01/2016	7510182915	15/08/2021	15/08/2021	30/09/2021	3.710.000				271273526
149	Hoàng Xuân Thế	Xe Căng	Không xác định thời hạn	02/01/2018	7515117831	15/08/2021	15/08/2021	30/09/2021	3.710.000				024975988



TT	Họ và tên	Phòng, ban, phần xưởng làm việc	Loại hợp đồng lao động	Thời điểm bắt đầu thực hiện HDLĐ	Số sổ bảo hiểm	Thời điểm bắt đầu tạm hoãn, nghỉ việc không hưởng lương (Ngày tháng năm)	Thời gian tạm hoãn HDLĐ/nghỉ không hưởng lương		Số tiền hỗ trợ	Tài khoản của người lao động nhận hỗ trợ			Số CMND/thẻ căn cước công dân
							Từ ngày tháng năm	Đến ngày tháng năm		Tên TK	Số TK	Ngân hàng	
150	Lê Quang Phú	Xe Càng	Không xác định thời hạn	20/03/2016	7410125522	15/08/2021	15/08/2021	30/09/2021	3.710.000				225068221
151	Nguyễn Trung Tín	Xe Càng	Không xác định thời hạn	25/03/2016	7516108021	15/08/2021	15/08/2021	30/09/2021	3.710.000				351540466
152	Bùi Ngọc Trường	Xe Càng	Không xác định thời hạn	02/01/2019	7511207165	15/08/2021	15/08/2021	30/09/2021	3.710.000				272409607
153	Đặng Văn Gia	Xe Càng	Không xác định thời hạn	01/01/2016	7511155099	15/08/2021	15/08/2021	30/09/2021	3.710.000	Đặng Văn Gia	9704229278897504	MB Chi nhánh Điện Biên Phủ	272678781
154	Đỗ Xuân Điền	Xe Càng	Không xác định thời hạn	01/01/2016	7510002515	15/08/2021	15/08/2021	30/09/2021	3.710.000				271734508
155	Nguyễn Như Tinh	Xe Càng	Không xác định thời hạn	01/01/2016	7509003349	15/08/2021	15/08/2021	30/09/2021	3.710.000				240780190
156	Trần Ngọc Hạnh	Xe Càng	Không xác định thời hạn	01/01/2016	7509003363	15/08/2021	15/08/2021	30/09/2021	3.710.000				272479557
157	Thân Văn Thiện	Xe Càng	Không xác định thời hạn	01/01/2016	7509075796	15/08/2021	15/08/2021	30/09/2021	3.710.000				024083000297
158	Hà Văn Lai	Xe Càng	Không xác định thời hạn	02/01/2019	7509076444	15/08/2021	15/08/2021	30/09/2021	3.710.000				272061568
159	Phạm Văn Lượng	Xe Càng	Không xác định thời hạn	03/05/2017	7516177218	15/08/2021	15/08/2021	30/09/2021	3.710.000				272169481
160	Nguyễn Hoài Nam	Xe Càng	Xác định thời hạn	17/06/2020	7526732190	15/08/2021	15/08/2021	30/09/2021	3.710.000				272965062

TT	Họ và tên	Phòng, ban, phần xưởng làm việc	Loại hợp đồng lao động	Thời điểm bắt đầu thực hiện HĐLĐ	Số số bảo hiểm	Thời điểm bắt đầu tạm hoãn, nghỉ việc không hưởng lương (Ngày tháng năm)	Thời gian tạm hoãn HĐLĐ/ngỉ không lương		Số tiền hỗ trợ	Tài khoản của người lao động nhận hỗ trợ			Số CMND/thẻ căn cước công dân
							Từ ngày tháng năm	Đến ngày tháng năm		Tên TK	Số TK	Ngân hàng	
161	Lê Văn Hải	Xe Căng	Xác định thời hạn	07/09/2020	7508214618	15/08/2021	15/08/2021	30/09/2021	3.710.000				173381512
162	Đào Duy Nam	Xe Căng	Xác định thời hạn	01/11/2020	7510003716	15/08/2021	15/08/2021	30/09/2021	3.710.000	Đào Duy Nam	0481000681867	Vietcombank Chi Nhánh Đồng Nai	038083002163
163	Khúc Văn Ổn	P. Kinh doanh	Không xác định thời hạn	01/01/2016	7523029496	15/08/2021	15/08/2021	30/09/2021	3.710.000	Khúc Văn Ổn	079704077777777	HDBank Chi Nhánh Đồng Nai	272819515
164	Ngô Trí Quyết	Sửa chữa	Không xác định thời hạn	01/01/2016	7509138556	15/08/2021	15/08/2021	30/09/2021	3.710.000				186497187
165	Nguyễn Thanh Tuấn	Sửa chữa	Không xác định thời hạn	01/01/2016	7515118333	15/08/2021	15/08/2021	30/09/2021	3.710.000				272991634
166	Trương Văn Túy	Sửa chữa	Không xác định thời hạn	01/01/2016	7509003322	15/08/2021	15/08/2021	30/09/2021	3.710.000				211647133
167	Nguyễn Ngọc Dương	Sửa chữa	Không xác định thời hạn	07/07/2016	7516108898	15/08/2021	15/08/2021	30/09/2021	3.710.000	Nguyễn Ngọc Dương	5904205183701	Agribank-Vĩnh Cửu, CN Bắc Đồng Nai	215435572
168	Bùi Văn Cường	Sửa chữa	Không xác định thời hạn	01/01/2016	7515118332	15/08/2021	15/08/2021	30/09/2021	3.710.000	Bùi Văn Cường	5904205184575	Agribank-Vĩnh Cửu, CN Bắc Đồng Nai	173613604
169	Nguyễn Minh Tuấn	Sửa chữa	Không xác định thời hạn	01/01/2016	7509003320	15/08/2021	15/08/2021	30/09/2021	3.710.000	Nguyễn Minh Tuấn	5904205183718	Agribank-Vĩnh Cửu, CN Bắc Đồng Nai	211647125
170	Nguyễn Kim Hưng	Sửa chữa	Không xác định thời hạn	01/01/2016	4706026634	15/08/2021	15/08/2021	30/09/2021	3.710.000				211712664
171	Nguyễn Văn Chiến	Sửa chữa	Không xác định thời hạn	01/01/2016	7509046182	15/08/2021	15/08/2021	30/09/2021	3.710.000				271738795

TT	Họ và tên	Phòng, ban, phân xưởng làm việc	Loại hợp đồng lao động	Thời điểm bắt đầu thực hiện HDLB	Số sổ bảo hiểm	Thời điểm bắt đầu tạm hoãn, nghỉ việc không hưởng lương (Ngày tháng năm)	Thời gian tạm hoãn HDLB/nghỉ không hưởng lương		Số tiền hỗ trợ	Tài khoản của người lao động nhận hỗ trợ			Số CMND/thẻ căn cước công dân
							Từ ngày tháng năm	Đến ngày tháng năm		Tên TK	Số TK	Ngân hàng	
172	Lưu Tấn Phong	Sửa chữa	Không xác định thời hạn	02/01/2016	7510016586	15/08/2021	15/08/2021	30/09/2021	3.710.000				272276275
173	Hà Thanh Hải	Sửa chữa	Xác định thời hạn	26/05/2020	9621440528	15/08/2021	15/08/2021	30/09/2021	3.710.000				381079968
174	Nguyễn Xuân Vinh	Sửa chữa	Không xác định thời hạn	01/01/2016	4706026632	15/08/2021	15/08/2021	30/09/2021	3.710.000				211449139
175	Tô Anh Tuấn	Bến thủy	Không xác định thời hạn	01/01/2016	4101005239	15/08/2021	15/08/2021	30/09/2021	3.710.000	Tô Anh Tuấn	5904205088593	Agribank Chi Nhánh Thanh Phú Vinh Cầu Đồng Nai	031193264
176	Nguyễn Đắc Ngủ	Bến thủy	Không xác định thời hạn	01/01/2016	7509003316	15/08/2021	15/08/2021	30/09/2021	3.710.000	Nguyễn Đắc Ngủ	5904205183152	Agribank Chi Nhánh Đồng Nai	271660527
177	Nguyễn Văn Công	Bến thủy	Không xác định thời hạn	01/07/2016	7509003327	15/08/2021	15/08/2021	30/09/2021	3.710.000	Nguyễn Văn Công	5904205183198	Agribank Chi Nhánh Thanh Phú Vinh Cầu Đồng Nai	271202532
178	Trình Trọng Hậu	Bến thủy	Không xác định thời hạn	01/01/2016	7509003378	15/08/2021	15/08/2021	30/09/2021	3.710.000				172600907
179	Lê Đăng Phương	Bến thủy	Không xác định thời hạn	01/01/2016	7509003397	15/08/2021	15/08/2021	30/09/2021	3.710.000	Lê Đăng Phương	5904205183219	Agribank Chi Nhánh Thanh Phú Vinh Cầu Đồng Nai	030896492
180	Khúc Thị Mười	Bến thủy	Không xác định thời hạn	01/01/2016	4703008172	15/08/2021	15/08/2021	30/09/2021	3.710.000	Khúc Thị Mười	0121000631294	Vietcombank Chi Nhánh Đồng Nai	271371537
181	Nguyễn Thị Long	Bến thủy	Không xác định thời hạn	23/03/2016	7510191176	15/08/2021	15/08/2021	30/09/2021	3.710.000				172361556
182	Nguyễn Đắc Thành	Bến thủy	Xác định thời hạn	24/03/2021	7526021404	15/08/2021	15/08/2021	30/09/2021	3.710.000	Nguyễn Đắc Thành	31271060001	SCB Chi Nhánh Biên Hòa Đồng Nai	272789215

TT	Họ và tên	Phòng, ban, phân xưởng làm việc	Loại hợp đồng lao động	Thời điểm bắt đầu thực hiện HĐLĐ	Số sổ bảo hiểm	Thời điểm bắt đầu tạm hoãn, nghỉ việc không hưởng lương (Ngày tháng năm)	Thời gian tạm hoãn HĐLĐ/ngỉ không lương		Số tiền hỗ trợ	Tài khoản của người lao động nhận hỗ trợ			Số CMND/thẻ căn cước công dân
							Từ ngày tháng năm	Đến ngày tháng năm		Tên TK	Số TK	Ngân hàng	
183	Bùi Văn Trình	Bến thủy	Xác định thời hạn	03/05/2021	7412124403	15/08/2021	15/08/2021	30/09/2021	3.710.000	Bùi Văn Trình	102002096738	Vietinbank Chi Nhánh Tân Bình Tp. Hồ Chí Minh	272530840
184	Khúc Văn Cường	Bến thủy	Không xác định thời hạn	01/03/2018	75090003346	15/08/2021	15/08/2021	30/09/2021	3.710.000	Khúc Văn Cường	5900205139521	Agribank Chi Nhánh Thành Phố Biên Hòa Đồng Nai	272457908
Cộng: 184 người lao động									680.785.000				
TỔNG CỘNG									680.785.000				

TM.ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Sơn Hùng

Tổng số tiền hỗ trợ: 680.785.000 đồng
(Sáu trăm tám mươi triệu, bảy trăm tám mươi lăm ngàn đồng chẵn)